

Số: 1983/GPMT-UBND

Hưng Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 35/CV-TH ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Công ty Cổ phần kỹ thuật Thiên Hoàng về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp lại Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất gạch Porcelaine, công suất 9,0 triệu m<sup>2</sup>/năm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 462/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 11 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần kỹ thuật Thiên Hoàng (địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Diamond Flower Tower, đường Lê Văn Lương, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội) được thực hiện các hoạt động bảo vệ

môi trường của Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất gạch Porcelaine, công suất 9,0 triệu m<sup>2</sup>/năm tại Khu công nghiệp Tiên Hải, xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất gạch Porcelaine, công suất 9,0 triệu m<sup>2</sup>/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô G1, Khu công nghiệp Tiên Hải, xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101272578 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 6 năm 2025, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 03 tháng 10 năm 2019; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4714240288 do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2015, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 30 tháng 9 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 0101272578.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gạch porcelaine.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích đất sử dụng: 66.646,8 m<sup>2</sup> (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 816098 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) cấp ngày 11 tháng 4 năm 2018, số vào sổ cấp GCN: "CS" 03452).

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B.

- Dự án thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Công suất thiết kế: 9.000.000 m<sup>2</sup>/năm (trong đó công suất cơ sở đang hoạt động là 3.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Dây chuyền 3.000.000 m<sup>2</sup>/năm hiện có:

Nguyên liệu → Xe xúc, đổ tự hành → Định lượng & cấp liệu → Máy nghiền → Bể khuấy hồ → Bơm màng, lọc từ → Si lô chứa bột → Lò sấy phun → Si lô máy ép, cấp liệu → Máy ép thủy lực → Băng chuyền dẫn → Lò sấy mộc → Tráng men, in hoa → Lò nung men → Mài cạnh ướt → Bao gói, nhập kho.

+ Dây chuyền 6.000.000 m<sup>2</sup>/năm đầu tư mở rộng:

Nguyên liệu → Xe xúc, đồ tự hành → Định lượng & cấp liệu → Máy nghiền → Bể khuấy hồ → Bơm màng, lọc từ → Si lô chứa bột → Lò sấy phun → Si lô máy ép, cấp liệu → Máy ép thủy lực → Băng chuyền dẫn → Lò sấy mộc → Tráng men, in hoa → Sấy dây chuyền men → Sấy tiền nung → Lò nung men → Mài cạnh ướt → Bao gói, nhập kho.

+ Chuẩn bị men cho công đoạn tráng men: Nguyên liệu men → Định lượng → Máy nghiền → Thùng khuấy → Tráng men.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần kỹ thương Thiên Hoàng.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần kỹ thương Thiên Hoàng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Giấy phép môi trường số 95/GPMT-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý KKT và các KCN tỉnh;
- Trung tâm PVHCC (cơ sở 2) (trả kết quả);
- UBND xã Đồng Châu;
- Công ty Cổ phần kỹ thuật Thiên Hoàng;
- Tổng Công ty Viglacera - CTCP;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải công khai);
- Lưu: VT, KT2<sup>Thin</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hùng Nam**

**Phụ lục 1****YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1988/GPMT-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của Dự án phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại) và nước thải sinh hoạt của Nhà máy gạch men Mikado được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày đêm sau đó thu gom vào bể gom nước thải sản xuất để tiếp tục xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Nước thải sản xuất của Dự án và nước thải sản xuất của Nhà máy gạch men Mikado được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng 100% cho sản xuất tại Dự án và cho sản xuất tại Nhà máy gạch men Mikado, không xả thải ra môi trường.

- Tọa độ vị trí đầu nối nước thải sinh hoạt từ Nhà máy gạch men Mikado vào hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của Dự án: X(m) = 2255637, Y(m) = 607142 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

- Tọa độ vị trí đầu nối nước thải sản xuất từ Nhà máy gạch men Mikado vào hệ thống thu gom nước thải sản xuất của Dự án: X(m) = 2255636, Y(m) = 607040 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

**1.2. Hệ thống xử lý nước thải của dự án:**

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể khuấy trộn (thiếu khí) → Bể sinh học SBR → Bể lắng và hấp phụ → Bể khử trùng → Bể gom nước thải sản xuất, bơm về hệ thống xử lý nước thải sản xuất để tiếp tục xử lý cùng nước thải sản xuất.

+ Công suất thiết kế: 60 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Hóa chất sử dụng: Javel (khử trùng).

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt sau xử lý → Pha trộn chất trợ lắng → Bể lắng → Bể chứa → Bơm tuần hoàn tái sử dụng 100% cho sản xuất, không xả thải ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Hóa chất sử dụng: Bột PAC (chất trợ lắng).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

### 1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì đường ống thu gom, rãnh thu gom và các hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Giám sát các hệ thống xử lý nước thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra

- Trường hợp sự cố hỏng hóc các thiết bị dẫn đến dừng hoạt động của hệ thống xử lý, sự cố vỡ đường ống, bể chứa, hiệu quả xử lý các công đoạn không đạt yêu cầu:

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Thu gom toàn bộ nước thải chưa qua xử lý vào Bể sự cố (chia thành 2 ngăn) có dung tích chứa 92,3 m<sup>3</sup> lưu chứa nước thải trong vòng khoảng 62 giờ hoặc nước thải lưu chứa tại các hồ bơm và bể trung chuyển trong quá trình khắc phục sự cố.

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Thu gom, lưu chứa nước thải tại các hồ, bể lắng tại cơ sở và Nhà máy gạch men Mikado trong quá trình khắc phục sự cố.

Nếu quá khả năng lưu chứa mà vẫn chưa khắc phục được sự cố, tạm dừng các hoạt động sản xuất phát sinh nước thải để khắc phục, sửa chữa.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở và Nhà máy gạch men Mikado, tuần hoàn tái sử dụng 100% cho sản xuất, không xả thải ra môi trường.

3.2. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng 100% cho sản xuất, không xả thải ra môi trường. Việc tuần hoàn tái sử dụng nước thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đối với nước dùng cho sản xuất gạch men Ceramic, gạch Porcelaine. *22*

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/1983/GPMT-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:****1.1. Nguồn phát sinh khí thải phải xử lý:**

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu đầu vào hiện có (dây chuyền 3.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu đầu vào lắp mới (dây chuyền 6.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ lò sấy phun hiện có (dây chuyền 3.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ lò sấy phun lắp mới (dây chuyền 6.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

**1.2. Nguồn phát sinh khí thải không phải xử lý:**

- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ lò nung men hiện có (dây chuyền 3.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ lò nung men lắp mới (dây chuyền 6.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ lò sấy mộc hiện có (dây chuyền 3.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ lò sấy mộc lắp mới (dây chuyền 6.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

- Nguồn số 09: Khí thải phát sinh từ lò sấy dây chuyền men lắp mới (dây chuyền 6.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

- Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ lò sấy tiền nung lắp mới (dây chuyền 6.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

- Nguồn số 11: Khí thải phát sinh từ máy phát điện số 1 hiện có (công suất 1.600 KVA).

- Nguồn số 12: Khí thải phát sinh từ máy phát điện số 2 hiện có (công suất

1.600 KVA).

- Nguồn số 13: Khí thải phát sinh từ máy phát điện số 3 lắp mới (công suất 2.000 KVA).

- Nguồn số 14: Khí thải phát sinh từ máy phát điện số 4 lắp mới (công suất 1.250 KVA).

## 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

### 2.1. Vị trí xả khí thải:

#### 2.1.1. Đối với nguồn phát sinh khí thải phải xử lý:

TT	Dòng khí thải	Từ nguồn	Hệ thống xử lý khí thải	Lưu lượng xả lớn nhất ( $m^3/giờ$ )	Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$ , múi chiếu $3^{\circ}$ )	
					X <sub>(m)</sub>	Y <sub>(m)</sub>
1	Dòng khí thải số 01	Số 01	Số 01	26.000	2255422	607132
2	Dòng khí thải số 02	Số 02	Số 02	74.000	2255433	607115
3	Dòng khí thải số 03	Số 03	Số 03	118.000	2255413	607029
4	Dòng khí thải số 04	Số 04	Số 04	139.711	2255367	607040

#### 2.1.2. Đối với nguồn phát sinh khí thải không phải xử lý:

TT	Nguồn phát sinh khí thải	Lưu lượng xả lớn nhất ( $m^3/giờ$ )	Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$ , múi chiếu $3^{\circ}$ )	
			X <sub>(m)</sub>	Y <sub>(m)</sub>
1	Nguồn khí thải số 05	54.526	2255546	606935
2	Nguồn khí thải số 06			
2.1	Ống thoát khí số 1	65.000	2255596	606949
2.2	Ống thoát khí số 2		2255545	606944
2.3	Ống thoát khí trung tâm	65.000	2255436	606964
3	Nguồn khí thải số 07	35.294	2255423	606925
4	Nguồn khí thải số 08			
4.1	Ống thoát khí số 1	22.027	2255438	606971
4.2	Ống thoát khí số 2		2255411	606972
5	Nguồn khí thải số 09	9.352	2255551	606953
6	Nguồn khí thải số 10	9.352	2255428	606962

7	Nguồn khí thải số 11	9.856	2255393	607063
8	Nguồn khí thải số 12	9.856	2255397	607063
9	Nguồn khí thải số 13	12.420	2255403	607063
10	Nguồn khí thải số 14	7.764	2255407	607063

### 2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10: Xả thải liên tục theo các thời điểm sản xuất.

- Dòng khí thải số 11, 12, 13, 14: Xả thải gián đoạn (chỉ xả thải khi máy phát điện vận hành).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C); cụ thể như sau:

ST T	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng thải số 01, 02</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 100		
<b>XII</b>	<b>Dòng thải số 03, 04</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 100		
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 350		
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 500		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 450		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu đầu vào hiện có (nguồn số 01) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý bụi, xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu đầu vào lắp mới (nguồn số 02) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý bụi, xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ lò sấy phun hiện có (nguồn số 03) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý khí thải, xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ lò sấy phun lắp mới (nguồn số 04) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý khí thải, xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ lò nung men hiện có (nguồn số 05) được thu gom và xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ lò nung men lắp mới (nguồn số 06) được thu gom và xả ra môi trường qua 03 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ lò sấy mộc hiện có (nguồn số 07) được thu gom và xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ lò sấy mộc lắp mới (nguồn số 08) được thu gom và xả ra môi trường qua 02 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ lò sấy dây chuyền men lắp mới (nguồn số 09) được thu gom và xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ lò sấy tiền nung lắp mới (nguồn số 10) được thu gom và xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 1 tại Nhà điện (nguồn số 11) được thu gom và xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 2 tại Nhà điện (nguồn số 12) được thu gom và xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 3 tại Nhà điện (nguồn số 13) được thu gom và xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng số 4 tại Nhà điện (nguồn số 14) được thu gom và xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

### 1.2.1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 01 (tương ứng nguồn số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi khu vực nạp liệu đầu vào → Thiết bị lọc bụi tay áo → Quạt hút → Ống xả khí thải → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 26.000 m<sup>3</sup>/giờ.

### 1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 02 (tương ứng nguồn số 02):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi khu vực nạp liệu đầu vào → Thiết bị lọc bụi tay áo → Quạt hút → Ống xả khí thải → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 74.000 m<sup>3</sup>/giờ.

### 1.2.3. Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 03 (tương ứng nguồn số 03):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Cyclone lọc bụi (tổ hợp 04 cyclone đơn) → Quạt hút → Tháp dập bụi ướt → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 118.000 m<sup>3</sup>/giờ.

### 1.2.4. Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 04 (tương ứng nguồn số 04):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Cyclone lọc bụi (tổ hợp 06 cyclone đơn) → Quạt hút → Tháp dập bụi ướt → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 139.711 m<sup>3</sup>/giờ.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, giám sát hoạt động của các thiết bị: Đường ống dẫn khí, quạt hút đẩy khí, thiết bị xử lý bụi, khí thải, ống khói, ống xả khí thải.

- Lắp đặt thiết bị báo cháy và chữa cháy tự động; trang bị các dụng cụ chữa cháy, bình dập lửa bằng khí CO<sub>2</sub>.

- Khi xảy ra sự cố: Dừng các công đoạn sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để sửa chữa, khắc phục hệ thống, đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra đạt quy chuẩn quy định.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ khi hoàn thành xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 02, số 03, số 04.

- Vị trí lấy mẫu: Tại 03 ống thoát khí thải ra môi trường tương ứng với 03 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3.3. Thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Chỉ sử dụng khí thiên nhiên làm nhiên liệu cho lò nung, lò sấy để bảo đảm chất lượng khí thải xả ra môi trường theo quy định.

3.6. Máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu diesel sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. 

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1983/GPMT-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực nhà xưởng sản xuất.
- Nguồn số 02: Khu vực trạm xử lý nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 03: Khu vực trạm xử lý nước thải sản xuất.
- Nguồn số 04: Khu vực nhà đặt máy nén khí, máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh:**

- Nguồn số 01: Khu vực nhà xưởng sản xuất được giới hạn bởi tọa độ:

Điểm góc phía Tây Bắc:  $X_{(m)} = 2255622$ ;  $Y_{(m)} = 606910$ .

Điểm góc phía Đông Bắc:  $X_{(m)} = 2255625$ ;  $Y_{(m)} = 607042$ .

Điểm góc phía Đông Nam:  $X_{(m)} = 2255366$ ;  $Y_{(m)} = 607051$ .

Điểm góc phía Tây Nam:  $X_{(m)} = 2255360$ ;  $Y_{(m)} = 606923$ .

- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện:  $X_{(m)} = 2255371$ ;  $Y_{(m)} = 607143$ .

- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện:  $X_{(m)} = 2255460$ ;  $Y_{(m)} = 607049$ .

- Nguồn số 04: Tọa độ đại diện:  $X_{(m)} = 2255413$ ;  $Y_{(m)} = 607064$ .

(Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến  $105^{\circ}30'$  múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Ghi chú
1	70	65	60	Khu vực E

Trong đó cho phép điều chỉnh ngưỡng quy định giá trị giới hạn trên theo

thời gian phát ra tiếng ồn theo quy định tại bảng 2 của QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

### 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00) (dB)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00) (dB)	
1	75	70	Khu vực D

Trong đó cho phép điều chỉnh ngưỡng quy định giá trị giới hạn trên theo thời gian phát ra độ rung theo quy định tại bảng 2 của QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Nhà xưởng sản xuất được thiết kế thông thoáng để thông gió tự nhiên đồng thời giảm thiểu lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

- Lắp các thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật để giảm ồn, đặc biệt với các thiết bị gây ồn lớn được lắp đặt chân đế, bộ máy và lắp đặt các đệm chống ồn, rung cho thiết bị.

- Kiểm tra định kỳ các thiết bị, hệ thống bằng cách bảo dưỡng, bôi trơn.

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Đối với công nhân làm việc tại các vị trí phát sinh tiếng ồn lớn được đảm bảo đầy đủ điều kiện về nước uống, chế độ dinh dưỡng bữa ăn, trang bị bảo hộ lao động, chế độ lao động và đảm bảo thời gian làm việc của mỗi lao động tối đa 8 giờ/ngày.

- Trồng cây xanh khu vực nhà máy.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *u*

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1983/GPMT-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

ST T	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	7
2	Dầu mỡ lau máy, bôi trơn thải	17 02 04	60
<b>Tổng</b>			<b>67</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Đất đá loại từ quá trình lọc nguyên liệu	3.600
2	Sản phẩm không đạt yêu cầu hoặc bị vỡ	996.750
3	Gạch mộc vỡ, nguyên liệu rơi vãi	5.980.500
4	Bùn đất từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải sản xuất	9.969
5	Bìa carton	4.500
6	Palet thải	6.000
7	Phế thải từ phòng thí nghiệm	150
8	Bùn cặn từ hệ thống thoát nước mưa	3.274
<b>Tổng</b>		<b>7.004.743</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	4,29

## 1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau có dính thành phần nguy hại	18 02 01	136
2	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	1.470
<b>Tổng</b>			<b>1.606</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

## 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.
- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 57 m<sup>2</sup>; thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái bằng, nền cứng hóa bê tông (kho lưu giữ chất thải nguy hại chung của Dự án và Nhà máy gạch men Mikado).

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

## 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với nguyên liệu rơi vãi; gạch mộc vỡ; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất (qua máy ép khung bản thành bùn khô) được tận dụng tái sản xuất: Thu gom, lưu giữ chung với Nhà máy gạch men Mikado tại kho lưu giữ phế liệu tái chế diện tích 300 m<sup>2</sup>; thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái lợp tôn, nền cứng hóa bê tông; được bố trí trong kho nguyên liệu số 01 (gần khu vực nghiền xương) đặt tại Nhà máy gạch men Mikado.

- Đối với Palet thải, bìa carton: Lưu giữ tại kho thành phẩm bên trong nhà xưởng sản xuất.

- Đối với bùn cặn hệ thống thoát nước mưa: Định kỳ 01 lần/03 tháng thuê đơn vị có chức năng nạo hút, thu gom, xử lý.

- Đối với các loại chất thải khác: Thu gom, lưu giữ chung với Nhà máy gạch men Mikado tại khu lưu giữ tập trung chất thải rắn sản xuất thông thường diện tích 200 m<sup>2</sup>; thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái lợp tôn, nền cứng hóa bê tông; vị trí phía sau kho nguyên liệu số 01 phía giáp tường rào (gần kho lưu giữ phế liệu tái

ché) đặt tại Nhà máy gạch men Mikado.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 03 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng; 01 xe thùng đẩy chuyên dụng dung tích 01 m<sup>3</sup>.

- Kho lưu giữ: Khu lưu giữ tập trung chất thải rắn sản xuất thông thường diện tích 200 m<sup>2</sup> đặt tại Nhà máy gạch men Mikado.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. *u*

**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1983/GPMT-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

3. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời áp dụng các biện pháp tiên tiến nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình xây dựng và vận hành dự án.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật. *wj*